

UNIT 3: **TEEN STRESS AND PRESSURE**

I/ NEW WORDS: **COMMUNICATION**

- category	(n): hạng, loại
- concentrate	(v): tập trung
- resolve conflict	(v): giải quyết xung đột
- self-discipline	(adj): tự rèn luyện
- risk-taking	(n) : sự liều lĩnh
- cognitive skill	(n): kĩ năng nhận thức
- housekeeping skills	(n): kĩ năng làm v.nhà
- emotion control skills	(n): kĩ năng k.soát c.xúc
- social skill	(n): kĩ năng xã hội
- self-care skill	(n): kĩ năng tự chăm sóc
- cope	(v): đối phó, đương đầu
- manage	(v): quản lý, trông nom
- budget	(n): ngân sách
- car operation	(n): vận hành xe hơi
- emergency	(n): t.hợp khẩn cấp
- boundary	(n): ranh giới

--	--